

Số: 293/BC-UBND

Hàm Thuận Nam, ngày 11 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn huyện

UBND huyện nhận được Công văn số 1395/SLĐTBOXH-BTTN ngày 16/6/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Thuận về việc đề nghị báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội 6 tháng đầu năm 2023, UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh⁽¹⁾, UBND huyện đã kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản triển khai thực hiện⁽²⁾.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách

Tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như loa, đài... cho Nhân dân được biết, về các chính sách trợ giúp xã hội⁽³⁾, để đảm bảo các quyền lợi được thụ hưởng đúng theo quy định, tránh tình trạng để sót đối tượng; đồng thời, tuyên truyền về việc thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện về thời gian và hình thức chi trả để đối tượng nhận trợ cấp hàng tháng kịp thời theo quy định.

¹ Luật Người cao tuổi, Luật người khuyết tật, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật Người khuyết tật; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh; Công văn số: 2658/UBND-KGVXNV ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Công văn số 2198/UBND-KGVXNV ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành quy định tổ chức chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng qua hệ thống Bưu điện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Kế hoạch số 1406/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng năm 2023.

² Công văn số 1659 /UBND-LĐTBOXH ngày 02/8/2021 về việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Công văn số 1712/UBND-LĐTBOXH ngày 03/8/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh và Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 23/6/2023 về việc thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng năm 2023 trên địa bàn huyện.

³ Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Thông tư hướng dẫn số 02/2021/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác phối hợp triển khai thực hiện

- Hàng năm, kịp thời lập dự toán kinh phí thực hiện trong năm tiếp theo đề nghị các sở, ngành của tỉnh quan tâm bố trí kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội theo quy định.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện phối hợp với Bưu điện huyện chi trả trợ cấp xã hội kịp thời cho người thụ hưởng⁽⁴⁾.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Công tác trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng

- Tổng số đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đến nay là **3.498** đối tượng, trong đó:

- + Trẻ em từ 4 đến 16 tuổi mồ côi, bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng: 20 em.
- + Trẻ em từ 16 đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học: 8 em.
- + Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng từ 60 đến 80 tuổi: 15 người.
- + Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng trên 80 tuổi: 5 người.
- + Người từ đủ 80 tuổi trở lên, không có lương hưu trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng: 1.519 người.
- + Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định ở điểm a, khoản 5 đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 01 người.
- + Người khuyết tật nặng : 1.038 người.
- + Người khuyết tật đặc biệt nặng: 413 người.
- + Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang nuôi 01 con nhỏ: 11 người.
- + Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang nuôi 02 con nhỏ: 12 người.
- + Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang nuôi 03 con nhỏ: 7 người.
- + Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 33 người.
- + Hỗ trợ kinh phí chăm sóc cho hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng: 403 người.

⁴ Theo quy định tại Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về phương thức, địa điểm, thời gian chi trả và các điều kiện đảm bảo cho việc chi trả trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện.

+ Hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em, mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng: 11 người.

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi: 02 người.

- Trợ giúp xã hội theo Nghị quyết 05/2022/NQ/HĐND của HĐND tỉnh: 76 người.

- Tổng kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội trong 6 tháng đầu năm 2023 là **10.506.240.000 đồng**, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện cho công tác chi trả trợ cấp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP đối với 3.498 người, với tổng kinh phí là: 10.364.220.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện cho công tác trợ giúp xã hội theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đối với 76 người, với kinh phí: 142.020.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí mai táng phí cho thân nhân đối tượng bảo trợ xã hội đã từ trần là 129 người, với tổng kinh phí: 918.000.000 đồng.

+ Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ BHYT là: 2.707 người, với tổng kinh phí là: 924.544.800 đồng.

2. Công tác chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện

- Việc thực hiện chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội vào ngày 12 hàng tháng tại Bưu điện và UBND các xã, thị trấn đảm bảo kịp thời.

- Công tác chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện được thực hiện tương đối tốt, công tác kiểm tra, giám sát việc chi trả trợ cấp xã hội được triển khai thường xuyên và xử lý kịp thời những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Công tác trợ giúp khẩn cấp

Từ đầu năm 2023 đến nay, mưa lớn kèm theo lốc xoáy đã gây thiệt hại về nhà ở của 02 hộ gia đình tại 02 xã Hàm Cần và Tân Lập; huyện đã hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai gây ra, theo quy định tại khoản 3, Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, với mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ gia đình để khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống dân sinh và phát triển sản xuất.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Thuận lợi

- Nhìn chung, tình hình thực hiện các chính sách xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh tại huyện cơ bản đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, đúng đối tượng.

- Chính sách trợ giúp xã hội trong 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn huyện được thực hiện tốt, chuyên kinh phí cho Bưu điện huyện chi trả đảm bảo đúng, đủ và kịp thời; thực hiện điều chỉnh và truy lĩnh trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP cho đối tượng đầy đủ, kịp thời, không xảy ra trường hợp khiếu nại.

2. Khó khăn

- Một số công chức làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội ở các xã, thị trấn do kiêm nhiệm nhiều việc nên ảnh hưởng đến hiệu quả công việc và tiến độ thực thi công tác bảo trợ xã hội.

- Cơ sở vật chất ở một số Bru cục của Bru điện chưa đảm bảo, chưa phát huy được tính hiệu quả và đáp ứng nhu cầu phục vụ Nhân dân khi chi trả qua dịch vụ công trong tình hình hiện nay.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

- Phổ biến kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng đào tạo, tập huấn kỹ năng giao tiếp, quy trình quản lý nguồn tiền chi trả cho nhân viên giao dịch tuyến xã, thị trấn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả trợ cấp xã hội tại các điểm giao dịch để không xảy ra sai sót trong quá trình chi trả.

- Đảm bảo về cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ cho đối tượng đến nhận trợ cấp (địa điểm đủ rộng, thoáng mát, có chỗ để xe cho đối tượng, có ghế ngồi, quạt, nước uống...).

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bru điện, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện ở địa phương, cơ sở; giải quyết các kiến nghị của địa phương, đơn vị và đối tượng về chế độ, chính sách trợ giúp xã hội theo quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-TB&XH;
- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH (Hàng 5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Thị Ngọc Ánh